

SỞ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 156/BVLBP-KD

Bình Định, ngày 26 tháng 4 năm 2018

V/v đăng tải thông tin về giá
trúng thầu mua sắm trang thiết bị y tế
trên cổng thông tin điện tử của tỉnh

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG BÌNH ĐỊNH

ĐẾN Số: 1365
Ngày: 27/4/2018

Chuyển: Căn cứ

Lưu hồ sơ số: về quản lý trang thiết bị y tế;

Kính gửi : Sở Thông tin và Truyền thông Bình Định

Căn cứ Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định
Căn cứ Thông tư số 46/2017/TT-BYT ngày 15/5/2017 của Bộ Y tế về việc Quy
định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của
Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

Để thực hiện đúng theo quy định việc đăng tải công khai trên cổng thông tin
điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh về giá trúng thầu mua sắm trang thiết bị y tế của các
cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định đề nghị Sở
Thông tin và Truyền thông Bình Định đăng tải thông tin về giá trúng thầu mua sắm
trang thiết bị y tế trên cổng thông tin điện tử của tỉnh theo bảng tổng hợp giá trúng
thầu mua sắm trang thiết bị y tế do Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Bình Định thực
hiện kèm theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- +Như trên
- +Lãnh đạo BV
- +Sở Y tế (theo dõi)
- +Lưu VT,KD,TC



CHÂU VĂN TUẤN

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh gói thầu: Mua sắm một số dụng cụ phục vụ hoạt động quản lý và xử lý chất thải rắn

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Công văn số 140/BCĐ ngày 19/9/2017 của Ban Chỉ đạo xử lý chất thải rắn y tế về việc xử lý kinh phí kết dư sau khi lò đốt tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi dừng hoạt động;

Căn cứ Công văn số 5508/UBND-VX ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc chủ trương mua sắm một số dụng cụ phục vụ hoạt động quản lý và xử lý chất thải rắn y tế từ nguồn kinh phí kết dư do Ban chỉ đạo xử lý chất thải rắn y tế quản lý;

Căn cứ Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Mua sắm một số dụng cụ phục vụ quản lý và xử lý chất thải rắn;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 21/02/2018 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm một số dụng cụ phục vụ quản lý và xử lý chất thải rắn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Bệnh viện Lao và Bệnh phổi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh gói thầu: Mua sắm một số dụng cụ phục vụ quản lý và xử lý chất thải rắn, với những nội dung như sau:

1. Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty Cổ phần Dược – TTBYT Bình Định.

Địa chỉ: Số 498 Nguyễn Thái Học – TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

2. Giá trúng thầu (đã bao gồm thuế VAT): 978.241.000 đồng (Chín trăm bảy mươi tám triệu hai trăm bốn mươi một ngàn đồng).

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Phòng Tài chính – Kế toán có trách nhiệm chuẩn bị thủ tục để Bệnh viện Lao và Bệnh phổi hoàn thiện và ký kết hợp đồng mua sắm gói thầu trên với nhà thầu trúng thầu theo nội dung tại Điều 1 Quyết định này theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty Cổ phần Dược – TTBYT Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, quyền hạn của mình thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế (để báo cáo);
- KBNN Bình Định;
- Lãnh đạo BV;
- Lưu: VT, TCKT, TCHC.



GIÁM ĐỐC

Châu Văn Tuấn



SỞ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15.1/BVLBP-KD

Bình Định, ngày 23 tháng 4 năm 2018

V/v đăng tải thông tin về giá trúng thầu
mua sắm trang thiết bị y tế

Kính gửi : Sở Y Tế Bình Định

Thực hiện Công văn số 810/SYT-KHTC ngày 19/4/2018 của Sở Y tế tỉnh Bình Định về việc đăng tải thông tin về giá trúng thầu mua sắm trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị.

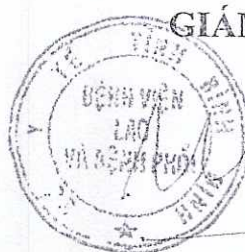
Để thực hiện đúng theo quy định việc đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh về giá trúng thầu mua sắm trang thiết bị y tế theo quy định; Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định xin đăng tải Quyết định số 207/QĐ-BV ngày 28/9/2017 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi từ quý II /2017 đến hết quý IV/2017 ;

Kính gửi Sở Y tế biết để theo dõi.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- +Như trên
- +Lưu VT,KD,TC



GIÁM ĐỐC

CHÂU VĂN TUẤN

Số: 207/QĐ-BV

Bình Định, ngày 28 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh gói thầu: Mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi từ Quý II/2017 đến hết Quý IV/2017

Căn cứ Quyết định số: 1093/QĐ-SYT ngày 27 tháng 07 năm 2017 của Giám đốc Sở Y tế Bình Định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi từ Quý II/2017 đến hết Quý IV/2017;

Căn cứ Quyết định số: 164/QĐ-BVLBP ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Giám đốc Bệnh viện Lao và Bệnh phổi về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh thầu Gói thầu Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi từ Quý II/2017 đến hết Quý IV/2017;

Căn cứ vào Báo cáo thẩm định ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tổ thẩm định gói thầu thầu Gói thầu Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi từ Quý II/2017 đến hết Quý IV/2017;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thầu "Gói thầu Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi từ Quý II/2017 đến hết Quý IV/2017", với các nội dung sau:

Tổng giá trị trúng thầu : 489.660.398 đồng gồm 60 mặt hàng

Tên nhà thầu và giá trúng thầu:

1. Công ty Cổ phần Dược-TTBYT Bình Định với giá trúng thầu : 265.920.398 đồng gồm : 53 mặt hàng (Phụ lục 1)
2. Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB với giá trúng thầu: 192.000.000 đồng gồm : 01 mặt hàng (Phụ lục 2)
3. Công ty TNHH Thương mại Hưng Việt với giá trúng thầu là: 31.740.000 đồng gồm : 06 mặt hàng (Phụ lục 3)

Loại hợp đồng : Hợp đồng trọn gói theo đơn giá cố định

Thời gian thực hiện: Từ khi có kết quả trúng thầu đến hết Quý IV/2017;

Điều 2. Giao cho Khoa Dược, Phòng tài chính kế toán thực hiện các bước tiếp theo để mua sắm theo kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt theo quy định hiện hành;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, K.Được.



GIÁM ĐỐC

CHÂU VĂN TUẤN

Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Bình Định từ Quý II/2017 đến hết Quý IV/2017

Nhà thầu trúng thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TTBYT BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học - Tp Quy Nhơn - tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.3847655. Fax: 0256.3946145

(Kèm theo theo Quyết định số 207 /QĐ-BV ngày 28 / 9 /2017 của Giám đốc Bệnh viện Lao và Bệnh phổi)

TT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Hạn dùng	Số giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số công văn cho phép nhận khẩu	Nhà sản xuất, Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền (Đồng)
	1.	Vật tư y tế										
1	A5	Bầu xông khí dung có dây		Bộ xông mũi họng	24 tháng	TKHQ số 100551782 ngày 15/9/2015	Suzhou Yudu, Trung Quốc	ISO, CE	Cái	1.500	13.923	20.884.500
2.1 Hóa chất phù hợp máy sinh hóa tự động A.25												
2	S72	Alanine Aminotransferase (ALT/GPT)	Alanine Aminotransferase (ALT/GPT)	Hộp có quy cách đóng gói: 5x50ml.	18 tháng	4637NK/BYT-TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	2	2.305.800	4.611.600
3	S73	Aspartate Aminotransferase (AST/GOT)	Aspartate Aminotransferase (AST/GOT)	Hộp có quy cách đóng gói: 5x50ml.	18 tháng	4637NK/BYT-TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	2	2.305.800	4.611.600
4	S74	Biochemistry Calibrator Serum	Biochemistry Calibrator Serum	Hộp có quy cách đóng gói: 5x5ml	18 tháng	4637NK/BYT-TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	2	2.457.000	4.914.000
5	S75	Biochemistry Control Serum Level I	Biochemistry Control Serum Level I	Hộp có quy cách đóng gói: 5x5ml	18 tháng	4637NK/BYT-TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	2	2.457.000	4.914.000

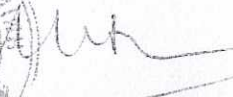
TT	Mã số dầu thầu	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Hạn dùng	Số giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số công văn cơ phép nhận khẩu	Nhà sản xuất, Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền (Đồng)
6	S76	Biochemistry Control Serum Level II	Biochemistry Control Serum Level II	Hộp có quy cách đóng gói: 5x5ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	2	2.457.000	4.914.000
7	S78	Concentrated System Liquid	Concentrated System Liquid	Chai 1000 ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Chai	1	2.190.300	2.190.300
8	S79	Concentrated washing solution	Concentrated washing solution	Chai 100 ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Chai	1	1.593.900	1.593.900
9	S80	Hemoglobin A1C-Turbi (HbA1C)	Hemoglobin A1C-Turbi (HbA1C)	Hộp có quy cách đóng gói: 1x50ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	1	15.886.500	15.886.500
10	S81	Hoá chất định lượng Bilirubin Direct	Bilirubin Direct	Hộp có quy cách đóng gói: 5x50ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	1	1.570.800	1.570.800
11	S82	Hóa chất định lượng Acid Uric	Acid Uric	Hộp có quy cách đóng gói: 10x50ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	1	4.611.600	4.611.600
12	S83	Hoá chất định lượng Bilirubin Total	Bilirubin Total	Hộp có quy cách đóng gói: 5x50ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	1	1.570.800	1.570.800
13	S84	Hoá chất định lượng Cholesterol	Cholesterol	Hộp có quy cách đóng gói: 10x50ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	1	2.547.300	2.547.300
14	S85	Hoá chất định lượng Creatinine	Creatinine	Hộp có quy cách đóng gói: 10x50ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	1	2.795.100	2.795.100
15	S86	Hóa chất định lượng Glucose	Glucose	Hộp có quy cách đóng gói: 10x50ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	2	1.082.550	2.165.100
16	S87	Hoá chất định lượng Protein (Total)	Protein (Total)	Hộp có quy cách đóng gói: 10x50ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	1	698.250	698.250
17	S88	Hoá chất định lượng Triglycerid	Triglycerid	Hộp có quy cách đóng gói: 10x50ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	1	5.365.500	5.365.500
18	S89	Hoá chất định lượng Urea-BUN UV	Urea-BUN UV	Hộp có quy cách đóng gói: 5x50ml	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	1	2.247.000	2.247.000
19	S90	Reaction Rotor cho máy 25	Reaction Rotor	Hộp 10 cái	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	2	6.394.500	12.789.000
20	S91	Sample Wells cho máy A25	Sample Wells	Hộp 1000 Cái	18 tháng	4637NK/BYT- TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	1	3.442.950	3.442.950

TT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Hạn dùng	Số giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số công văn cho phép nhập khẩu	Nhà sản xuất, Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền (Đồng)
21	S92	y-Glutamyltransferase (y-GT)	y-Glutamyltransferase (y-GT)	Hộp có quy cách đóng gói: 5x50ml.	18 tháng	4637NK/BYT-TB-CT	Biosystem /Tây Ban Nha	ISO, CE	Hộp	3	3.024.000	9.072.000
2.2 Hóa chất, vật tư phù hợp cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động TC-Matrix												
22	S93	Bóng đèn 12V, 20W dùng cho TC-Matrix	Lamp halogen 12V, 20W	Hộp 1 cái	18 tháng	5353NK/BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	2	7.350.000	14.700.000
23	S94	Hóa chất định lượng ALT (SGPT)	ALT (SGPT)	Hộp có quy cách đóng gói: 40 ml x 4 + 8 ml x 4	18 tháng	5353NK/BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	2	2.034.900	4.069.800
24	S95	Hóa chất định lượng AST (SGOT)	AST (SGOT)	Hộp có quy cách đóng gói: 40 ml x 4 + 8 ml x 4	18 tháng	5353NK/BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	2	2.034.900	4.069.800
25	S97	Hóa chất định lượng Cholesterol	Cholesterol	Hộp có quy cách đóng gói: 40 ml x 6	18 tháng	5353NK/BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	1.864.800	1.864.800
26	S98	Hóa chất định lượng Creatinine	Creatinine	Hộp có quy cách đóng gói: 40 ml x 4 + 8 ml x 4	18 tháng	5353NK/BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	5	1.375.500	6.877.500
27	S99	Cuvette dùng cho máy TC-Matrix	Cuvette TC-Matrix	Thùng 250 cái/thùng	18 tháng	5353NK/BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Thùng	3	5.712.000	17.136.000
28	S100	Hóa chất định lượng Direct Bilirubin	Direct Bilirubin	Hộp có quy cách đóng gói: 30 ml x 4 + 5 ml x 4	18 tháng	5353NK/BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	1.379.700	1.379.700
29	S101	Hóa chất định lượng Gamma GT (γ-GT)	Gamma GT (γ-GT)	Hộp có quy cách đóng gói: 40 ml x 4 + 8 ml x 4	18 tháng	5353NK/BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	3	2.571.450	7.714.350
30	S102	Hóa chất định lượng Glucose (Oxidase)	Glucose (Oxidase)	Hộp có quy cách đóng gói: 40 ml x 6	18 tháng	5353NK/BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	2	1.176.000	2.352.000
31	S103	HCĐL TC Control Level II, 5 ml	TC Control Level II, 5 ml	Hộp có quy cách đóng gói: Lọ 5ml	18 tháng	5353NK/BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Lọ	2	1.001.700	2.003.400
32	S104	HCĐL TC Multicalib Level II, 5 ml	TC Multicalib Level II, 5 ml	Hộp có quy cách đóng gói: Lọ 5ml	18 tháng	5353NK/BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Lọ	2	1.001.700	2.003.400

TT	Mã số dấu thầu	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Hạn dùng	Số giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số công văn cơ phép nhận khẩu	Nhà sản xuất, Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền (Đồng)
33	S105	Hóa chất định lượng Total Bilirubin	Total Bilirubin	Hộp có quy cách đóng gói: 30 ml x 4 + 5 ml x	18 tháng	5353NK/BYT- TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	1.780.800	1.780.800
34	S106	Hóa chất định lượng Triglycerides	Triglycerides	Hộp có quy cách đóng gói: 40 ml x 6	18 tháng	5353NK/BYT- TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	4.927.650	4.927.650
35	S107	Hóa chất định lượng Uric Acid	Uric Acid	Hộp có quy cách đóng gói: 40 ml x 6	18 tháng	5353NK/BYT- TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	3.423.000	3.423.000
36	S108	Hóa chất định lượngBUN (Ure)	BUN (Ure)	Hộp có quy cách đóng gói: 40 ml x 4 + 8 ml x 4	18 tháng	5353NK/BYT- TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	3	1.972.950	5.918.850
37	S109	Hóa chất định lượngTotal Protein	Total Protein	Hộp có quy cách đóng gói: 40 ml x 6	18 tháng	5353NK/BYT- TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	2	999.600	1.999.200
II. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM												
2.3. Hóa chất phù hợp với máy phân tích huyết học 18, 22 thông số Celtac α												
38	H112	Dung dịch rửa thường xuyên	Diaterge - NK	Thùng 5 lít	18 tháng	6094NK/BYT-TB- CT	Diagon-Hungary sản xuất tại Indonesia	ISO, CE	Thùng	3	1.312.500	3.937.500
2.4. Hóa chất phù hợp cho máy xét nghiệm huyết học tự động Convergys -												
39	H114	Convergys Lyse	Convergys Lyse	Chai 1 lít	18 tháng	2224NK/BYT- TB-CT	convergent/Đức	ISO, CE	Chai	3	1.449.000	4.347.000
40	H115	Dung dịch pha loãng	Diluent Abaton CF	Thùng 20 lít	18 tháng	1796NK/BYT-TB- CT	Diagon-Hungary sản xuất tại Indonesia	ISO, CE	Thùng	10	1.302.000	13.020.000
41	H116	Convergys Cleaner	Convergys Cleaner	Chai 1 lít	18 tháng	2224NK/BYT- TB-CT	convergent/Đức	ISO, CE	Chai	2	1.260.000	2.520.000
2.5. Hóa chất xét nghiệm ELISA												
42	E117	AFP	AFP	Hộp 96 kít.	18 tháng	GPNK: 5030NK/ BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	3.465.000	3.465.000
43	E118	CA15-3	CA15-3	Hộp 96 kít	18 tháng	GPNK: 5030NK/ BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	7.250.000	7.250.000

TT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Hạn dùng	Số giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số công văn có phép nhập khẩu	Nhà sản xuất, Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền (Đồng)
44	E119	CEA	CEA	Hộp 96 kit.	18 tháng	GPNK: 5030NK/ BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	3.465.000	3.465.000
45	E122	Elisa T3	Elisa T3	Hộp 96 kit.	18 tháng	GPNK: 5030NK/ BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	3.076.500	3.076.500
46	E123	Elisa T4	Elisa T4	Hộp 96 kit	18 tháng	GPNK: 5030NK/ BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	3.076.500	3.076.500
47	E125	Kít An ti - HBsAg EIA	An ti - HBsAg	Hộp 96 test	18 tháng	GPNK: 5030NK/ BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	2.415.000	2.415.000
48	E126	Kít Toxocara (giun đũa chó)	Kít Toxocara	Hộp 96 kit.	18 tháng	GPNK: 5030NK/ BYT-TB-CT	Teco/Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	4.410.000	4.410.000
2.6. Hóa chất dùng cho máy định danh và kháng sinh đồ VITEK												
49	V127	Card định danh vi khuẩn Gram âm (Dùng cho máy tự động Vitek 2)	st Kit VTK2 20	Hộp 20card	18 tháng	TKHQ: 100099233840	Biomerieux/ Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	3.561.600	3.561.600
50	V128	Card định danh vi khuẩn Gram dương (Dùng cho máy tự động Vitek 2)	st Kit VTK2 20	Hộp 20card	18 tháng	TKHQ: 100099233840	Biomerieux/ Mỹ	ISO, CE	Hộp	1	3.561.600	3.561.600
51	V129	Nước muối pha loãng mẫu	Saline Solution	Chai 1 lít	18 tháng	TKHQ: 100149076200	Abtek/Anh	ISO, CE	Chai	1	1.484.007	1.484.007
2.7. Hóa chất sát khuẩn												
52	K137	Dung dịch tẩy rửa đa enzyme	Cidex OPA 3,78 lít	Can 3.78L			Johnson&Johnso n, Anh	ISO, CE	Can	1	964.761	964.761
53	K141	Test thử nước tiểu 10 thông số	Multistix	Phù hợp với máy Siemen. Lo 100 test	18 tháng	5216NK/BYT-TB-CT	Siemen/Ba Lan	ISO, CE	Lọ	12	812.490	9.749.880
Danh mục gồm 53 mặt hàng											Thành tiền:	265.920.398

Ghi chú: Giá trúng thầu bao gồm tất cả các chi phí liên quan như: giá bán; thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có); phí vận chuyển,Đến tận kho dược Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Bình Định


GIÁM ĐỐC

Châu Văn Tuấn

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Bình Định
từ Quý II/2017 đến hết Quý IV/2017

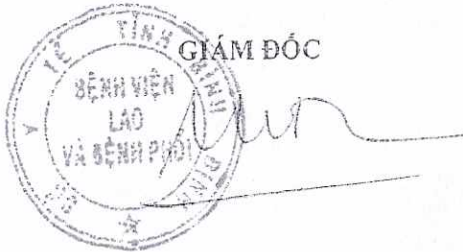
Nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT HB

Địa chỉ: 185 đường số 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM

(Kèm theo theo Quyết định số 207/QĐ-TYT ngày 28/ 9 /2017 của Giám đốc Bệnh viện Lao và Bệnh phổi)

TT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Hạn dùng	Số giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số công văn cho phép nhận khẩu	Nhà sản xuất, Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền (Đồng)
1	A1	Phim X-Quang kỹ thuật số	Phim X Quang Y tế 20x25 cm	20x25cm, Hộp 125 tấm. Phù hợp cho máy in Konica Drypro.	18 tháng từ ngày sản xuất	GPLH 170000382/PCBA- HCM ngày 30/6/2017	Konica-Minota- Nhật bản-Mỹ	CE,ISO 13485,ISO 9001	Tờ	12.000	16.000	192.000.000
Đanh mục gồm 01 mặt hàng										Thành tiền:		192.000.000

Ghi chú: Giá trúng thầu bao gồm tất cả các chi phí liên quan như: giá bán; thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có); phí vận chuyển,Đến tận kho dược Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Bình Định


 CHẤU VĂN TUẤN

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Bình Định từ Quý II/2017 đến hết Quý IV/2017

Nhà thầu trúng thầu: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÙNG VIỆT

Địa chỉ: 18 B Nguyễn Khuyến, TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo theo Quyết định số 207/QĐ-TYT ngày 28/ 9 /2017 của Giám đốc Bệnh viện Lao và Bệnh phổi)

TT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Hạn dùng	Số giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số công văn cho phép nhập khẩu	Nhà sản xuất, Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền (Đồng)
II. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM												
2.3. Hóa chất phù hợp với máy phân tích huyết học 18, 22 thông số Celtac a												
1	H110	Dung dịch ly giải/phá hồng cầu	Celldiff Lyse	Chai 500ml	≥ 24 tháng	GPNK số: 5514NK/BYT-TB-CT	Fortress Diagnostics-Anh	ISO 13485:2003+ISO 13485:2012	Chai	8	980.000	7.840.000
2	H111	Dung dịch pha loãng Diluent	Celldiff Diluent	Thùng 18 lít	≥ 24 tháng	GPNK số: 5514NK/BYT-TB-CT	Fortress Diagnostics-Anh	ISO 13485:2003+ISO 13485:2012	Thùng	15	980.000	14.700.000
3	H113	Dung dịch rửa định kỳ	Celldiff Cleaner	Thùng 5 lít	≥ 24 tháng	GPNK số: 5514NK/BYT-TB-CT	Fortress Diagnostics-Anh	ISO 13485:2003+ISO 13485:2012	Thùng	1	1.700.000	1.700.000
2.5. Hóa chất xét nghiệm ELISA												
4	E120	Elisa FT3	Elisa FT3	Hộp 96 kit	≥ 12 tháng	GPNK số: 5786NK/BYT-TB-CT	Fortress Diagnostics-Anh	ISO 13485:2003+ISO 13485:2012	Hộp	1	2.500.000	2.500.000
5	E121	Elisa FT4	Elisa FT4	Hộp 96 kit.	≥ 12 tháng	GPNK số: 5786NK/BYT-TB-CT	Fortress Diagnostics-Anh	ISO 13485:2003+ISO 13485:2012	Hộp	1	2.500.000	2.500.000
6	E124	Elisa TSH	Elisa TSH	Hộp 96 kit.	≥ 12 tháng	GPNK số: 5786NK/BYT-TB-CT	Fortress Diagnostics-Anh	ISO 13485:2003+ISO 13485:2012	Hộp	1	2.500.000	2.500.000
Danh mục gồm 06 mặt hàng										Thành tiền:		31.740.000

Ghi chú: Giá trúng thầu bao gồm tất cả các chi phí liên quan như: giá bán; thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có); phí vận chuyển, Đến tận kho được Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Bình Định

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI BÌNH ĐỊNH
Hàng Văn Tuấn